

Số: 376/QĐ-MNSM

Mạo Khê, ngày 02 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách
đến hết Quý I năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI, THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách đến hết Quý I năm 2025 của Trường mầm non Sao Mai.

Theo đề nghị của tổ trưởng tổ văn phòng trường Mầm non Sao Mai, thành phố Đông Triều,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai việc thực hiện dự toán thu – chi ngân sách đến hết quý I năm 2025 của Trường mầm non Sao Mai, thành phố Đông Triều (Theo biểu số 03 ngày 02 tháng 4 năm 2025 và đối chiếu ngân sách đến hết Quý I năm 2025)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Lãnh đạo trường, các bộ phận có liên quan, Tổ trưởng tổ văn phòng, nhân viên kế toán trường Mầm non Sao Mai, thành phố Đông Triều thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT TP Đông Triều (b/c);
- Chi bộ (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- CBGVNV trường (th/h);
- Trang Web trường (công khai);
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Lành

Đơn vị: TRƯỜNG MN SAO MAI, TP ĐÔNG TRIỀU
Chương: 622

Biểu số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 02 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 376/QĐ- MNSM ngày 02/04/2025 của Hiệu trưởng Trường mầm non Sao Mai, TP Đông Triều)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Trường Mầm non Sao Mai công khai tình hình thực hiện dự toán Thu-Chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			0	0,0
I	Số thu phí, lệ phí	380.750.000	15.550.000	4	0,0
1	Học phí	380.750.000	15.550.000	4	0,0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	38.494.000	38.494.000	100	0,0
	Chi từ nguồn học phí	38.494.000	38.494.000	100	0,0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	38.494.000	38.494.000	100	0,3
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.254.000	8.254.000	100	1,6
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	14.880.000	14.880.000	100	0,0
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	15.360.000	15.360.000	100	0,0
	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.664.501.000	1.879.578.457	22	78

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.756.352.000	1.879.578.457	24	129
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>6.676.506.000</u>	<u>1.585.470.751</u>		<u>132</u>
	Mục 6000: Tiền lương	3.568.687.200	858.475.800	24	129
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	-	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.978.042.514	489.664.890	25	135
	Mục 6200: Tiền thưởng	25.974.000	-	-	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8.000.000	1.900.000	24	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.095.802.286	235.430.061	21	137
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-	-	-
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>878.305.000</u>	<u>221.631.956</u>	<u>25</u>	<u>114</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	103.480.000	9.095.956	9	71
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	64.689.500	10.654.000	16	320
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.488.000	748.000	2	-
	Mục 6650: Hội nghị	8.000.000	-	-	-
	Mục 6700: Công tác phí	42.820.000	2.400.000	6	51
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	53.568.000	44.640.000	83	179
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	199.000.000	35.610.000	18	-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	20.990.000	-	-	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	355.269.500	118.484.000	33	80
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	-	0	-
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>201.541.000</u>	<u>72.475.750</u>	<u>36</u>	<u>124</u>
	Mục 7750: Chi khác	201.541.000	72.475.750	36	124
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	908.149.000	-	-	-
	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>487.359.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	Mục 6100: Phụ cấp lương Kinh phí chi hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật	100.300.000			
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	16.740.000			
	Mục 6200: Thưởng thường xuyên	370.319.000			

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	159.540.000	-		
	Mục 6600 thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.530.000			
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	138.990.000	-	-	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	10.020.000			
	Các khoản chi khác	261.250.000			
	Mục 7750: Chi khác	261.250.000			

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]

Lê Thị Lành

HIỆU T. QUẢNG



THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 và điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ Trường mầm non Sao Mai, thành phố Đông Triều thực hiện dự toán thu – chi ngân sách đến hết Quý I năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Nguồn thu học phí:

Số năm trước chuyển sang: 24.017.328 đồng

Tổng số thu: 15.550.000 đồng

Tổng số chi: 38.494.000 đồng

Số dư cuối kỳ: 1.073.328 đồng

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán được sử dụng trong năm 2025

- Dự toán giao đầu năm: 8.664.501.000 đồng trong đó:

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 7.756.352.000 đồng

+ Kinh phí không thường xuyên: 908.149.000 đồng

- Dự toán giao bổ sung trong năm: 0 đồng



2. Chi giải ngân năm 2025 (đến hết Quý I năm 2025) là: 1.879.578.457 đồng, đạt 21,69% so với dự toán năm bao gồm:

- Chi giải ngân nguồn kinh phí thực hiện tự chủ năm 2025 (đến hết Quý I năm 2025) là: 1.879.578.457 đồng, đạt 21,69% so với dự toán năm

Chi thanh toán cá nhân: 1.585.470.751 đồng

Chi nghiệp vụ chuyên môn: 221.631.956 đồng

Các khoản chi khác: 72.475.750 đồng

- Chi giải ngân nguồn kinh phí thực hiện không tự chủ năm 2025 (đến hết Quý I năm 2025) là: 0 đồng, đạt 0% so với dự toán năm

Chi thanh toán cá nhân: 0 đồng

Chi nghiệp vụ chuyên môn: 0 đồng

Các khoản chi khác: 0 đồng



Số: 377/TB-MNSM

Mạo Khê, ngày 02 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC ĐẾN HẾT QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Trường mầm non Sao Mai, thành phố Đông Triều Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán hết quý I năm 2025 đến toàn thể cá nhân, bộ phận liên quan, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	380.750.000	15.550.000	4	0,0
1	Học phí	380.750.000	15.550.000	4	0,0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	38.494.000	38.494.000	100	0,0
	Chi từ nguồn học phí	38.494.000	38.494.000	100	0,0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	38.494.000	38.494.000	100	0,3
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.254.000	8.254.000	100	1,6
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	14.880.000	14.880.000	100	0,0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	15.360.000	15.360.000	100	0,0
	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.664.501.000	1.879.578.457	22	78
1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.756.352.000	1.879.578.457	24	129
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>6.676.506.000</u>	<u>1.585.470.751</u>	<u>24</u>	<u>132</u>
	Mục 6000: Tiền lương	3.568.687.200	858.475.800	24	129
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-		-	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.978.042.514	489.664.890	25	135
	Mục 6200: Tiền thưởng	25.974.000	-	-	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8.000.000	1.900.000	24	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.095.802.286	235.430.061	21	137
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-	-	-
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>878.305.000</u>	<u>221.631.956</u>	<u>25</u>	<u>114</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	103.480.000	9.095.956	9	71
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	64.689.500	10.654.000	16	320
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.488.000	748.000	2	-
	Mục 6650: Hội nghị	8.000.000	-	-	-
	Mục 6700: Công tác phí	42.820.000	2.400.000	6	51
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	53.568.000	44.640.000	83	179

DÒNG
 RUỘNG
 M NƠI
 O MẠI
 HƯNG

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 so với quý I/2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	199.000.000	35.610.000	18	-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	20.990.000	-	-	-
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	355.269.500	118.484.000	33	80
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	-	0	-
3	Các khoản chi khác	201.541.000	72.475.750	36	124
	Mục 7750: Chi khác	201.541.000	72.475.750	36	124
1.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	908.149.000	-	-	-
2	Chi thanh toán cho cá nhân	487.359.000	-	-	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương Kinh phí chi hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật	100.300.000			
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	16.740.000			
	Mục 6200: Thưởng thường xuyên	370.319.000			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	159.540.000	-		
	Mục 6600 thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.530.000			
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	138.990.000	-	-	-
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	10.020.000			
	Các khoản chi khác	261.250.000			
	Mục 7750: Chi khác	261.250.000			

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT TP Đông Triều (b/c);
- Chi bộ (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- CBGVNV trường (th/h);
- Trang Web trường (công khai);
- Lưu: VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Lành